

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện
công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng
11 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH 13 ngày 27 tháng 11 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày
20 tháng 6 năm 2017;*

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

*Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng,
chống ma túy;*

*Căn cứ Nghị định số 109/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ quy định cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy và
hồ sơ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy; Luật Xử
lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Hải Dương về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số nội dung chi,
mức chi thực hiện công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Báo*

cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng dân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung chi, mức chi thực hiện công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy quy định tại điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 27 Luật Phòng, chống ma túy 73/2021/QH14.

2. Người nghiện ma túy bị quản lý trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

4. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thực hiện dịch vụ cai nghiện tại đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoàn thành ít nhất 3 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

5. Người được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

6. Các phòng chức năng, Công an các huyện, thị xã, thành phố thuộc Công an tỉnh Hải Dương (*gọi tắt là cơ quan Công an các đơn vị, địa phương*).

7. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Chế độ hỗ trợ đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy.

Hỗ trợ đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện tại địa điểm xác định tình trạng nghiện ma túy quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 109/2021/NĐ-CP (*thời gian xác định tình trạng nghiện ma túy tối đa không quá 5 ngày*), cụ thể như sau:

1. Chi tiền tàu xe hoặc thuê phương tiện vận chuyển đưa người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy từ nơi bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy đến địa điểm xác định tình trạng nghiện ma túy. Nội dung chi, mức chi

áp dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính.

2. Định mức tiền ăn trong thời gian thực hiện xác định tình trạng nghiện ma túy: 48.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 5 ngày.

3. Tiền điện, nước sinh hoạt; tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân hàng ngày (*bàn chải, kem đánh răng, xà phòng tắm, xà phòng giặt, dầu gội, khăn mặt, dép nhựa*) và băng vệ sinh (*đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy là nữ*) tính cho một lần chấp hành. Mức hỗ trợ thanh toán theo thực tế phát sinh, tối đa không quá 350.000 đồng/người.

4. Chi phí điều trị hội chứng cai (*bao gồm cả test xét nghiệm ma túy*) và các bệnh kèm theo (*nếu có*): Mức chi theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

5. Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người được đề nghị xác định tình trạng nghiện ma túy tại địa điểm xác định tình trạng nghiện ma túy quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 109/2021/NĐ-CP chết mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đối tượng chết. Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy bị quản lý trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người nghiện ma túy bị quản lý trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP chết mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đối tượng chết: Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Chế độ hỗ trợ thực hiện công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập; tại đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trong trường hợp được nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ 100% chỗ ở, chi phí nhân công, chi phí vật tư, vật liệu, công cụ, dụng cụ, chi phí quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định: Mức hỗ trợ tối đa không

quá mức giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quyết định;

b) Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt; tiền tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động tối thiểu; chi phí học nghề ngắn hạn nếu chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng; chi phí mai táng đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập chết mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đối tượng chết: Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc.

2. Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thực hiện dịch vụ cai nghiện tại đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trong trường hợp được nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ 100% chỗ ở, chi phí nhân công, chi phí vật tư, vật liệu, công cụ, dụng cụ, chi phí quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định: Mức hỗ trợ tối đa không quá mức giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quyết định;

b) Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy tính cho một lần chấp hành và thuốc chữa bệnh thông thường hàng tháng;

c) Hỗ trợ tiền ăn, tiền băng vệ sinh (*đối với nữ*), tiền điện, nước sinh hoạt hàng tháng: Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc;

d) Hỗ trợ tiền quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho một lần chấp hành: Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc;

đ) Hỗ trợ tiền tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động tối thiểu; chi phí học nghề ngắn hạn nếu chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng; chi phí mai táng đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thực hiện dịch vụ cai nghiện tại đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng chết mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đối tượng chết: Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc.

Điều 6. Chế độ hỗ trợ đối với người được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP

Hỗ trợ đối với người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhưng được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 105/2021/NĐ-CP: 720.000 đồng/người/tháng.

Điều 7. Hỗ trợ cơ quan công an đơn vị, địa phương trực tiếp tham gia bắt giữ, khởi tố vụ án hình sự về các tội phạm ma túy rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và bắt giữ đối tượng truy nã phạm tội về ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương

1. Hỗ trợ cơ quan công an đơn vị, địa phương trực tiếp tham gia bắt giữ, khởi tố vụ án hình sự về các tội phạm ma túy rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại Điều 9 Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Vụ án hình sự về các tội phạm ma túy rất nghiêm trọng: 10.000.000 đồng/vụ án;

b) Vụ án hình sự về các tội phạm ma túy đặc biệt nghiêm trọng: 20.000.000 đồng/vụ án;

c) Vụ án hình sự về các tội phạm ma túy đặc biệt nghiêm trọng, tính chất hoạt động liên tỉnh hoặc xuyên quốc gia, thu giữ số lượng lớn ma túy (*có quyết định khen thưởng, thư khen hoặc văn bản biểu dương của Bộ Công an, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Ủy ban nhân dân tỉnh*): 100.000.000 đồng.

2. Hỗ trợ cơ quan công an đơn vị, địa phương trực tiếp tham gia bắt giữ đối tượng truy nã phạm tội về ma túy. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Bắt đối tượng truy nã phạm tội về ma túy ở trong nước: 10.000.000 đồng/ 01 đối tượng;

b) Bắt đối tượng truy nã phạm tội về ma túy ở nước ngoài: 20.000.000 đồng/ 01 đối tượng.

3. Đối với vụ án hình sự về các tội phạm ma túy rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và công tác bắt giữ đối tượng truy nã phạm tội về ma túy đã được hỗ trợ tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này thì không thực hiện hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về thành lập, quản lý, sử dụng quỹ phòng, chống tội phạm tỉnh Hải Dương.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Chương II Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương

1. Hỗ trợ tiền ăn, tiền băng vệ sinh (*đối với nữ*) hàng tháng: Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc.

2. Hỗ trợ tiền quần áo, chăn, màn, chiếu, gói, đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho một lần chấp hành: Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc.

Điều 9. Bãi bỏ Điều 4 Chương II Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương

Điều 10. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí ngân sách địa phương được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị liên quan theo phân cấp hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; bảo đảm quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch, đúng nội dung, mức hỗ trợ và đối tượng thụ hưởng chính sách. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm toàn diện trong việc rà soát, xác định các đối tượng thụ hưởng chính sách, tuyệt đối không để xảy ra vi phạm trực lợi chính sách, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm, làm thất thoát ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các vi phạm (nếu có).

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 7 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Thủ tướng Chính phủ;
 - Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
 - Vụ Pháp chế, Bộ LĐTBXH;
 - Bộ Công an;
 - Ban Công tác Đại biểu;
 - Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
 - Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
 - Lãnh đạo và CV Văn phòng HĐND tỉnh;
- } (để b/c)

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Công báo tỉnh, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT-Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.